

Bản án số: 37/2018/DS-ST
Ngày: 08-8-2018
V/v: “Tranh chấp về dân sự
Hợp đồng mua bán tài sản” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở

2. Ông Lê Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thanh Tuyền, kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử C khai vụ án thụ lý số 07/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Tranh chấp về dân sự hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Phi C; cư trú tại số L, Phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V; cư trú tại số A, Quốc lộ S, Phường H, thành phố T, tỉnh Long An, có mặt.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Thanh N; cư trú tại Ấp T, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Phạm Phi C trình bày: Vào năm 2009, ông và vợ ông là bà Trần Thị Thanh N có hợp đồng mua bán gà, vịt với bà Nguyễn Thị Thu V. Ông và bà N bán gà, vịt cho bà V để bà V bán lẻ lại. Việc thanh toán tiền bà V trả tiền cho ông khi ông giao gà, có khi thì thiếu lại. Tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2015 thì bà V nợ ông và bà N số tiền 74.700.000đ, có làm giấy hẹn nợ. Sau đó bà V có trả cho ông số tiền 4.700.000đ. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2015 thì bà V còn nợ tiền gà của ông là 70.000.000đ và có làm giấy hẹn góp mỗi ngày 300.000đ. Sau đó bà

V có góp đến tháng 12 năm 2016 được số tiền 11.000.000đ. Nay bà V còn nợ ông số tiền 59.000.000đ. Ông yêu cầu bà V trả cho ông số tiền 59.000.000đ, không yêu cầu trả lãi chậm trả.

Tại phiên tòa giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bà xác định có giao dịch mua bán gà, vịt với bà Trần Thị Thanh N và ông Phạm Phi C như trình bày của ông C. Bà thừa nhận còn nợ ông C và bà N số tiền 59.000.000đ. Do hiện nay hoàn cảnh gia đình của bà thật sự có khó khăn, bà đồng ý trả số tiền nợ cho ông C nhưng xin trả mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền và nghĩa vụ có liên quan bà Trần Thị Thanh N trình bày có nội dung: Từ năm 2009 bà N và ông C có giao dịch mua bán gà, vịt với bà Nguyễn Thị Thu V. Tính đến ngày 19 tháng 7 năm 2015 thì bà V còn nợ bà N và ông C số tiền 74.700.000đ. Sau đó bà V có trả được số tiền 4.700.000đ. Đến ngày 18 tháng 12 năm 2015 thì bà V có làm giấy nợ bà và ông C số tiền 70.000.000đ và hẹn góp mỗi ngày 300.000đ. Sau đó bà V có góp đến tháng 12 năm 2016 được số tiền 11.000.000đ, bà V còn nợ số tiền 59.000.000đ. Đối với số tiền này bà đồng ý Tòa án buộc bà V trả cho ông C, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với số tiền nợ này.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh N có yêu cầu vắng mặt, nên phiên tòa xét xử vắng mặt người có quyền và nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Thu V có mặt và chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 428, 438 Bộ luật Dân sự 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là ông Phạm Phi C khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bà Nguyễn Thị Thu V, đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V có nơi cư trú tại thành phố T, tỉnh Long an nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh N có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh N là phù hợp qui định Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Phạm Phi C thấy rằng: Ông Phạm Phi C và bà Nguyễn Thị Thu V thống nhất là từ năm 2009 ông C và bà N có bán gà, vịt cho bà V để bà V bán lại. Việc thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán là gởi đầu hoặc sau khi giao nhận hàng. Như vậy, cần xác định giữa ông C, bà N với bà V có thiết lập với nhau hợp đồng mua bán gà, vịt theo qui định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2005 là có cơ sở. Tại Tòa, ông C và bà V thống nhất nhau tính đến tháng 12 năm 2016 thì bà V còn nợ ông C và bà N số tiền trong hợp đồng mua bán là 59.000.000đ, nên công nhận sự thống nhất nợ giữa ông C và bà V là có căn cứ.

[4] Trong hợp đồng mua bán ông C và bà N cùng giao dịch với bà V. Tại Tòa ông C xác định số nợ yêu cầu Tòa án buộc bà V trả cho ông C. Căn cứ vào trình bày của bà N thì bà N cũng đồng ý Tòa án giải quyết buộc bà V trả số tiền nợ cho ông C, bà N không tranh chấp hay yêu cầu đối với số tiền nợ, đây là sự tự định đoạt của các đương sự nên công nhận là phù hợp.

[5] Về tiền lãi chậm trả ông C không yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[6] Tại Tòa bà V có yêu cầu trả số nợ bằng cách trả mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trong hợp đồng mua bán với ông C và bà N, được qui định tại Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, nay kéo dài thời gian trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Ông C không đồng ý theo cách thức trả nợ của bà V nên yêu cầu trả dần nợ của bà V là không có căn cứ nên không chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa, ông C đồng ý tạo điều kiện cho bà V trả mỗi tháng 5.000.000đ, trả vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả vào ngày 15 tháng 9 năm 2018 cho đến khi hết nợ. Đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn, nên chấp nhận là phù hợp.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí trên số tiền hoàn trả cho ông C theo quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

[8] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T về tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Phi C:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu V trả cho ông Phạm Phi C số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán là 59.000.000đ (Năm mươi chín triệu đồng) bằng cách trả mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), hàng tháng trả vào ngày 15, bắt đầu trả vào ngày 15 tháng 9 năm 2018 cho đến khi hết số tiền nợ.

Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Phi C mà bà Nguyễn Thị Thu V chưa thi hành xong số tiền trả cho ông C số tiền như trên thì V còn phải thanh toán tiền lãi theo lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thu V phải nộp 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) án phí sung công quỹ Nhà nước.

Ông Phạm Phi C không phải nộp án phí. Hoàn tạm ứng án phí cho ông Phạm Phi C là 1.475.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001817 ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T .

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo qui định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TP Tân An;
- CC.THADS TP Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Phụng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh
- VKDND TP
- Các đương sự
- THA, AV, Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Thị Phụng